

Số:12/2020/QĐST-DS

Sa Thầy, ngày 03 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết T bộ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2020/TLST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết T bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Trụ sở: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường N, Quận B, Tp, Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ – Chức vụ: Giám đốc Phòng quản lý nợ. Theo Giấy ủy quyền số 428/UQ-QLN.19 ngày 26 tháng 6 năm 2019.

Trụ sở: 38-40 Trần Phú (núi dài), phường T, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Người được bà Vũ Thị Anh Đ ủy quyền lại: Ông Võ Văn X – Nhân viên Ngân hàng TMCP A. Theo Giấy ủy quyền lại số 730/UQ-QLN.20 ngày 29 tháng 7 năm 2020.

Địa chỉ: 38-40 Trần Phú (núi dài), phường T, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1974 và bà Bùi Thị Th, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Thị H, sinh năm 2002.
- Nguyễn Thị Vi N, sinh năm 2007.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Ông Nguyễn Trọng T và bà Bùi Thị Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Á Châu số tiền nợ tính đến ngày 23/11/2020 là **768.975.510** đồng (*bảy trăm sáu mươi tám triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm mười đồng*); trong đó, tiền gốc là 700.000.000 đồng (*bảy trăm triệu đồng*), lãi trong hạn là 4.675.617 đồng (*bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm mười bảy đồng*), lãi quá hạn 62.932.057 đồng (*sáu mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai ngàn không trăm năm mươi bảy đồng*) và phạt chậm trả lãi 1.367.836 đồng (*một triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn tám trăm ba mươi sáu đồng*).

2.2. Phương thức trả nợ cụ thể như sau:

- Đến ngày 23/01/2021 ông Nguyễn Trọng T và bà Bùi Thị Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Á Châu số tiền nợ tính đến ngày 23/11/2020 là **768.975.510** đồng (*bảy trăm sáu mươi tám triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm mười đồng*); trong đó, tiền gốc là 700.000.000 đồng (*bảy trăm triệu đồng*), lãi trong hạn là 4.675.617 đồng (*bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm mười bảy đồng*), lãi quá hạn 62.932.057 đồng (*sáu mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai ngàn không trăm năm mươi bảy đồng*) và phạt chậm trả lãi 1.367.836 đồng (*một triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn tám trăm ba mươi sáu đồng*).

- Ông Nguyễn Trọng T và bà Bùi Thị Th còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số KTU.CN.498240119 ngày 24/01/2019 kể từ ngày 24/11/2020 đến ngày trả hết nợ.

- Ông Nguyễn Trọng T và bà Bùi Thị Th phải trả nợ theo thứ tự sau: Vốn gốc, phạt chậm trả, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Trường hợp, đến hết ngày 23/01/2021 ông Nguyễn Trọng T và bà Bùi Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được Ngân hàng TMCP Á Châu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 93, 106, 126, 127 tờ bản đồ số 45, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum thuộc quyền sở hữu, sử dụng của hộ ông Nguyễn Trọng T và bà Bùi Thị Th.

2.3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Trọng T và bà Bùi Thị Th chịu 2.000.000 đồng (hai triệu

đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng TMCP Á Châu đã nộp tạm ứng nên ông Nguyễn Trọng T và bà Bùi Thị Th có trách nhiệm trả số tiền trên cho Ngân hàng TMCP Á Châu.

2.4. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 13, **Điều 18**; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14.

Ông Nguyễn Trọng T và bà Bùi Thị Th chịu 17.379.510 đồng (*mười bảy triệu ba trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm mười đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy, ông Nguyễn Trọng T và bà Bùi Thị Th thuộc trường hợp được giảm án phí theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 và đã có đơn xin miễn, giảm án phí có xác nhận của UBND xã nơi ông T, bà Th cư trú. Do đó, số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà ông Nguyễn Trọng T và bà Bùi Thị Th phải chịu là 8.689.755 đồng (*tám triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn bảy trăm năm mươi lăm đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Á Châu số tiền tạm ứng án phí là 16.593.000 đồng (*mười sáu triệu năm trăm chín mươi ba ngàn đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0004102 ngày 06/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND T. Kon Tum;
- VKS nhân dân H. Sa Thầy;
- Chi cục THADS H. Sa Thầy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Lâm